

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/LĐ-ST

Ngày: 25 - 7 - 2024

V/v "Tranh chấp về tiền lương"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Quỳnh Châu.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Cao Thắng;

Bà Nguyễn Thị Hoài Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 03/2024/TLST-LĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp về tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-LĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh X; địa chỉ: Số A Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

**Bị đơn:** Công ty cổ phần Đ (trước là Công ty cổ phần Đ); trụ sở đóng tại: Kiệt C đường L, Khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

**Đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Tiến H - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, bà Nguyễn Thị Thanh X ký Hợp đồng lao động không số với Công ty cổ phần Đ do ông Nguyễn Tiến H là đại diện (nay được đổi tên thành Công ty cổ phần Đ) với thời hạn hợp đồng là 01 năm bắt đầu từ ngày 01/05/2022 với vị trí Giám đốc Tài chính, mức lương trong hợp đồng là 40 triệu đồng/tháng. Nhưng Công ty đã không thanh toán lương cho bà X từ tháng

08/2022 - 4/2023 với tổng số lương còn nợ là 355.000.000 đồng (Công ty có thanh toán 5.000.000 đồng vào tháng 12/2022). Ban lãnh đạo Công ty đã nhiều lần hứa hẹn trả lương cho bà X và vẫn duy trì Hợp đồng lao động với bà X nhưng không thực hiện trả lương như đã hứa.

Bà X đã làm đơn khiếu nại gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q và được Thanh tra Sở trả lời ông Nguyễn Tiến H và Ban lãnh đạo công ty không đến làm việc với đại diện Sở L dù nhiều lần được gửi giấy mời làm việc. Phía Công ty và ông Nguyễn Tiến H không có thiện chí hợp tác và thường xuyên hứa hẹn lịch làm việc với Thanh tra Sở nhưng lại không đến làm việc và không có lý do. Tháng 8/2022, bà X nhận được kết quả giải quyết khiếu nại lần 2 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q với nội dung: Do phía người bị khiếu nại là Công ty cổ phần Đ không hợp tác và không tới làm việc theo lịch hẹn của Thanh tra Sở nên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q không thể ban hành được quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 và yêu cầu bà X khởi kiện đến Tòa án để đảm bảo quyền lợi.

Bà X cũng đã thực hiện các thủ tục hòa giải qua hòa giải viên lao động tại Phòng Lao Động - Thương Binh và Xã hội thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Kết quả hòa giải không thành do phía người bị khiếu nại cố ý không tham gia hòa giải.

Vì vậy, bà X nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần Đ thực hiện thanh toán số lương từ tháng 8/2022 đến hết 30/4/2022 cho bà Nguyễn Thị Thanh X theo đúng hợp đồng lao động đã ký kết là 355.000.000 đồng.

Bị Công ty Cổ phần Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận việc giao nộp chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ chức.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 355.000.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thanh X khởi kiện Công ty cổ phần Đ đòi tiền lương, nên xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp về tiền lương*” và đã thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động nhưng kết quả hòa giải không thành, theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố

tụng dân sự.

Công ty cổ phần Đ có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với tên gọi Công ty cổ phần Đ có địa chỉ tại Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Đ đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/9/2022 được đổi tên thành Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: Kiệt C đường L, Khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty cổ phần Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty cổ phần Đ.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Xét Hợp đồng lao động không số ngày 10/01/2022: Hợp đồng được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh X với Công ty cổ phần Đ do ông Nguyễn Tiến H là đại diện trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng. Hợp đồng xác định thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/05/2022 với vị trí công việc của bà X là Giám đốc Tài chính, mức lương trong hợp đồng là 40 triệu đồng/tháng. Hợp đồng có chữ ký của người lao động bà Nguyễn Thị Thanh X và người sử dụng lao động ông Nguyễn Tiến H cũng như đóng dấu của Công ty cổ phần Đ. Việc ký kết hợp đồng lao động như trên là đảm bảo theo quy định tại các Điều 15, 16 của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động. Như vậy có đủ cơ sở để xác định, trong thời gian từ ngày 01/05/2022 đến tháng 4/2023 bà Nguyễn Thị Thanh X là người lao động làm việc cho Công ty cổ phần Đ.

- Về khoản tiền nguyên đơn yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán số tiền nợ lương trong thời gian lao động theo hợp đồng là 09 tháng, từ tháng 08/2022 - 4/2023 với tổng số lương còn nợ là 355.000.000 đồng (Công ty có thanh toán tạm ứng lương tháng 8/2022 là 5.000.000 đồng vào tháng 12/2022). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bà X cung cấp xác nhận của Ngân hàng về việc chuyển lương cho bà X tháng 5/2022 là 40.000.000 đồng, tháng 6/2022 là 40.000.000 triệu đồng, tháng 7/2022 là 39.107.500 đồng, tháng 10/2022 là 5.000.000 đồng để chứng minh bà X đã được trả đủ lương 03 tháng, số tiền lương 5.000.000 đồng bà X nhận vào tháng 12/2022 ghi là lương tháng 10/2022, số tiền 5.000.000 đồng là công ty mới tạm ứng một phần lương của tháng 8/2022. Theo bà X trình bày, bà đã làm việc tại công ty Cổ phần Đ cho đến hết thời gian của hợp đồng. Bà X đã yêu cầu Công ty xác nhận thời gian làm việc nhưng không được xác nhận, nên bà X đã thực hiện việc khiếu nại đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải cho Công ty Cổ phần Đ nhưng Công ty không tham gia. Công ty Cổ phần Đ đã được sao chụp tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Công ty cổ phần Đ nhưng Công ty không cung cấp giao nộp tài liệu gì về việc không chi trả khoản tiền lương mà bà X yêu cầu. Căn cứ theo điểm b Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc không chi trả khoản tiền lương của bà X cho Tòa án. Để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người lao động và dựa vào những căn cứ được nêu ở trên thì có đủ cơ sở xác định, Công ty cổ phần Đ còn nợ tiền lương lao động như nguyên đơn bà X yêu cầu. Việc Công ty không thanh toán tiền lương cho người lao động là vi phạm nguyên tắc về việc trả lương theo quy định tại Điều 95, 96 Bộ luật lao động.

Do đó, có căn cứ buộc Công ty Cổ phần Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền lương chưa trả từ tháng 8/2022 đến hết 30/4/2022 theo Hợp đồng lao động đã ký kết là 355.000.000 đồng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có cơ sở.

[3] *Về án phí*: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh X được chấp nhận nên Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 355.000.000 đồng x 3% = 10.650.000 đồng theo [Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14](#) của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 15, 16, 90, 94, 95, 96 Bộ luật lao động, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X, buộc Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền là 355.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu 10.650.000 đồng (Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Lao động sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

**3. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thị Quỳnh Châu**